TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST
Ngày: 14-01-2022
V/v "tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ;

2. Bà Trần Thị Phương Trang.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương*** *tham gia phiên tòa*: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 03 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình", giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng dịch vụ kỹ thuật A C; địa chỉ: Số 34K3 Thạch Lộc, phường A T, thành phố T A , tỉnh B D.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1985; địa chỉ: số 15/87/1 đường Phạm Ngọc Thạch, phường H Th, thành phố T D T, tỉnh B D và bà Mai Thị Vân A, sinh năm 1985; địa chỉ: số 324 Lê Trọng Tấn, phường T Th, quận T Ph, thành phố H C M là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/02/2021). Có mặt

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn P N Đ; địa chỉ: Số 79 ấp Núi Đất, xã Định Thành, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Thanh P – Chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: Số 79 ấp N Đ, xã Đ Th, huyện D T, tỉnh B D là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 06/02/2021, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn là bà Anh, bà Hà cùng thống nhất trình bày*: Vào ngày 24/4/2018 Công ty P N Đ và công ty xây dựng dịch vụ A C ký đồng kinh tế số 80-2018/HĐKT-AC mục đích là thi công công trình XDM đường dây 22KV-3M & TBA III-250 KvA tại địa điểm số 79, ấp N Đ, xã Đ Th, huyện D T, tỉnh B D. Giá trị hợp đồng là 429.000.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10%). Thời gian thi công công trình là 40 ngày (không kể ngày lễ, chủ nhật và những ngày trình ký CĐT). Hình thức thanh toán chia thành 03 đợt cụ thể như sau: Đợt 1: Công ty Phước Nghĩa Đức tạm ứng 40% giá trị hợp đồng khi ký, tương đương số tiền 171.600.000 đồng; đợt 2: khi hồ sơ thết kế được phê duyệt, bên B lắp đặt máy biến áp cho công trình, bên A thanh toán tiếp cho bên B 40% giá trị hợp đồng, tương đương số tiền 171.600.000 đồng và đợt 3 là bên A sẽ thanh toán giá trị hợp đồng còn lại của hợp đồng và phát sinh (nếu có) sau khi công trình được nghiệm thu, đóng điện hoàn chỉnh và sau 07 ngày bên B bàn giao hồ sơ quyết toán cho bên A. Ngày 06/6/2018 công trình công trình XDM đương dây 22KV-3M & TBA III-250 KvA tại địa điểm số 79, ấp N Đ, xã Đ T, huyện D T, tỉnh B D đã hoàn thành xong, các bên tiến hành nghiệm thu và đưa vào vận hành. Tuy nhiên, từ khi các bên ký hợp đồng cho đến khi công trình hoàn thành và đưa vào hoạt đọng thì công ty P N Đ chua thanh toán chông ty A C bất kỳ một khoản tiền nào. Ngày 18/8/2020 Công ty P N Đ xác nhận còn nợ công ty Công ty A C số tiền 429.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình khởi kiện tại Tòa án thì ngày 30/11/2021 phía Công ty P N D đã trả cho công ty A C được số tiền là 100.000.000 đồng. Nay công ty A C yêu cầu công ty P N Đ thanh toán số tiền còn nợ là 329.000.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 06/6/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm 14/01/2022 là 230.380.684 đồng và lãi phạt vi phạm 21.450.000 đồng.

- *Tại bản tự khai ngày 08/10/2021, đại diện bị đơn ông Phước trình bày*: Ông Phước thống nhất với ý kiến của Công ty A C, hiện nay công ty P N Đ còn nợ của công ty A C số tiền theo hợp đồng là 4.29.000.000 đồng (bốn trăm hai mươi chín triệu đồng) và đồng ý thanh toán. Bị đơn Công ty P N Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong suốt quá trình tố tụng là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào hợp đồng ký kết giữa công ty A C và Công ty P N Đ, căn cứ vào biên bản làm việc giữa Công ty A C và Công ty P N Đ thì thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng dịch vụ kỹ thuật A C với Công ty Trách nhiệm hữu hạn P N Đ có thỏa thuận ký hợp đồng thi công xây dựng đường dây điện22KV-3M & TBA III-250 KvA tại địa điểm số 79, ấp N Đ, xã Đ T, huyện D T, tỉnh B D. Công ty P N Đ không thanh toán giá trị khối lượng thi công nên Công ty A C khởi kiện. Vì vậy, quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình". Hai bên đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp về Kinh doanh thương mại theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo hợp đồng mà các bên đã ký kết, thỏa thuận là Tòa Kinh tế - Tòa án nhân dân tỉnh để giải quyết khi có phát sinh tranh chấp. Tuy nhiên, đối chiếu với quy định tại điểm điểm b, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty P N Đ là ông T T P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa và cung cấp chứng cứ cho Tòa án nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 329.000.00 đồng: Căn cứ vào hợp đồng kinh tế vào ngày 24/04/2018 thì thấy rằng vào ngày 24/04/2018 giữa Công ty A C có ký kết với công ty P N Đ về việc xây dựng công trình đường dây 22KV – 03M & TBA III – 250kVA với tổng giá trị hợp đồng là 429.000.000 đồng. Thời gian thi công hoàn thành trong vòng 40 ngày (không kể ngày Lễ, Chủ nhật và những ngày trình ký CĐT). Hợp đồng nêu trên có hiệu lực kể từ khi hai bên ký kết hợp đồng. Căn cứ vào Biên bản nghiệm thu đóng diện vận hành ngày 06/6/2018; căn cứ vào biên bản ngiệm thu kỹ thuật ngày 06/6/2018; căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/8/2020 và căn cứ vào biên bản làm việc ngày 20/5/2021 Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định bị đơn là Công ty P N Đ hiện đang còn nợ công ty A C số tiền 429.000.000 đồng (bốn trăm hai mươi chín triệu đồng), tuy nhiên vào ngày 30/11/2021 Công ty P N Đ đã trả được cho công ty A C số tiền 100.000.000 đồng, vì vậy, số tiền công ty P N Đ còn nợ công ty A C số tiền 329.000.000 đồng.

[3.2] Xét yêu cầu tính lãi chậm thanh toán và tiền phạt vi phạm của Công ty Á Châu:

- Về mức lãi suất chậm thanh toán: Bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 06/6/2018 đến ngày 30/11/2021 của số tiền 429.000.000 đồng và tính từ ngày 01/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 14/01/2022 của số tiền 329.000.000 đồng: xét thấy, lãi suất cho vay sản xuất kinh doanh ngắn hạn hiện nay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là 8%/năm, quá hạn là 13%/năm; của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam là 11%/năm, quá hạn là 16,5%/năm; của Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam là 9%, quá hạn là 13,5%. Như vậy, Công ty A C yêu cầu buộc Công ty P NN Đ phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng, 0,274%/ngày) là phù hợp với quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005, nên có cơ sở chấp nhận, cần buộc Công ty P N Đ có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ, cụ thể là: (429.000.000 đồng x 0,0274%/ngày x 1273 ngày = 224.431.643 đồng) + 329.000.000 đồng x 0,0274%/ngày x 44 ngày = 5.949.041 đồng) = 230.380.684 đồng.

- Đối với yêu cầu trả tiền phạt vi phạm: Tại Điều 6 của Hợp đồng kinh tế số 80-2018/HĐKT-AC ngày 24/04/2018, Công ty A C và Công ty P N Đ có thỏa thuận: *"Bên A thanh toán đúng và đủ cho bên B như Điều IV của hợp đồng. Nếu bên A trễ thanh toán sẽ chấp nhận bị phạt là 0,5% tổng giá trị hợp đồng mỗi ngày, tổng mức phạt không quá 5% giá trị hợp đồng"*. Do Công ty P N Đ vi phạm thời hạn thanh toán như đã nhận định nêu trên và giữa các bên có thỏa thuận về phạt vi phạm. Do đó, căn cứ các Điều 300 Luật Thương mại năm 2005, do đó yêu cầu của Công ty A C là có cơ sở, cụ thể: 429.000.000 đồng x 05% = 21.450.000 đồng.

[3] Như vậy, tổng số tiền Công ty A C được Hội đồng xét xử chấp nhận và cần buộc Công ty P N Đ có nghĩa vụ thanh toán là 580.830.684 đồng (năm trăm tám mươi triệu tám trăm ba mươi ngàn sáu trăm tám mươi tư đồng), trong đó gồm: Tiến gốc là 329.000.000 đồng (ba trăm hai mươi chín triệu đồng); Tiền lãi do chậm thanh toán 230.380.684 đồng (hai trăm ba mươi triệu ba trăm tám mươi ngàn sáu trăm tám mươi tư đồng), tiền phạt vi phạm hợp đồng là 21.450.000 đồng (hai mươi mốt triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng). Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là có căn cứ.

[5] Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 157, 161, 165, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 3, các Điều 24, 50, 300 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng dịch vụ kỹ thuật A C đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn P N Đ về việc "tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình".

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn P N Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng dịch vụ kỹ thuật A C tổng số tiền: 580.830.684 đồng (năm trăm tám mươi triệu tám trăm ba mươi ngàn sáu trăm tám mươi tư đồng), trong đó gồm:

+ Tiền gốc là 329.000.000 đồng (ba trăm hai mươi chín triệu đồng);

+ Tiền lãi do chậm thanh toán 230.380.684 đồng (hai trăm ba mươi triệu ba trăm tám mươi ngàn sáu trăm tám mươi tư đồng),

+ Tiền phạt vi phạm hợp đồng là 21.450.000 đồng (hai mươi mốt triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng)

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn P N Đ phải nộp số tiền 29.571.832 đồng (hai mươi chín triệu năm trăm bảy mươi mốt ngàn tám trăm ba mươi hai đồng).

- Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng dịch vụ kỹ thuật A C số tiền 13.523.280 đồng (mười ba triệu năm trăm hai mươi ba ngàn hai trăm tám mươi đồng) tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng dịch vụ kỹ thuật A C đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045729 vào ngày 01/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Quang Tuấn

Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Thị Thu Thu	**Trần Văn Liêm**	**Trần Quang Tuấn**